

CHƯƠNG TRÌNH DẠY NGHỀ TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP

(Phê duyệt tại Quyết định số 635/QĐ-TCĐCD ngày 27 tháng 9 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông nghiệp Nam Bộ)

Tên nghề: Giám đốc hợp tác xã nông nghiệp

Trình độ đào tạo: Sơ cấp

Bậc đào tạo: Bậc 1

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Cán bộ quản lý hợp tác xã, tổ hợp tác, liên hiệp hợp tác xã, lao động có mong muốn bổ sung kiến thức về hợp tác xã nông nghiệp.

Độ tuổi tham gia học nghề: Trong độ tuổi lao động theo quy định và một số cán bộ hợp tác xã quá tuổi lao động hiện đang làm trong các hợp tác xã nông nghiệp, có nhu cầu học nghề “Giám đốc hợp tác xã nông nghiệp”.

Số lượng mô đun đào tạo: 03 mô đun

Thời gian đào tạo: 03 tháng

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Chứng chỉ sơ cấp

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung

Đào tạo cán bộ trình độ sơ cấp có kiến thức chuyên môn và năng lực quản trị, điều hành và quản lý hợp tác xã (HTX) nông nghiệp, tổ hợp tác, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp phát triển hiệu quả, bền vững phù hợp luật pháp và điều kiện thực tiễn, chủ động và thích ứng tốt trong quá trình hội nhập.

2. Mục tiêu cụ thể

- Về kiến thức chuyên môn

+ Trình bày những nét chính trong lịch sử phát triển, bản chất, yêu cầu của phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; các chính sách liên quan đến phát triển HTX đang thực hiện, điều kiện được hưởng chính sách và đầu mối thực hiện;

+ Trình bày được thực trạng phát triển HTX nông nghiệp ở Việt Nam;

+ Trình bày được mục tiêu, nhiệm vụ phát triển hợp tác xã nông nghiệp Việt Nam trong giai đoạn tới;

+ Trình bày được khái niệm, nguyên tắc trong thiết lập quan hệ cộng đồng, mối quan hệ lợi ích của các cộng đồng, giải pháp và phương thức gắn kết các cộng đồng này với nhau;

+ Mô tả được hệ thống những kiến thức kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản nhất bao gồm marketing, sản xuất và dịch vụ nông nghiệp, nhân lực, tài chính, quản trị rủi ro và phương án kinh doanh làm nền tảng cho việc tiếp thu và thực hành các kỹ năng quản lý hợp tác xã nông nghiệp một cách khoa học, chuyên nghiệp và đúng luật;

+ Trình bày kiến thức chung về khái niệm, các quy định, nguyên tắc, yêu cầu, kỹ năng đàm phán, thương thảo; soạn thảo và ký kết hợp đồng;

+ Nêu được các mô hình hợp tác xã trong sản xuất nông nghiệp hiện nay, ưu nhược điểm của các mô hình; trình bày đặc điểm và ưu nhược điểm của các mô hình ứng dụng công nghệ cao: công nghệ nhà kính, nhà màng; công nghệ tưới nhỏ giọt; công nghệ thông tin và tự động hóa trong sản xuất nông nghiệp;

+ Nêu được khái niệm về chuỗi giá trị, liên kết chuỗi giá trị; mục đích xây dựng liên kết chuỗi giá trị và đặc điểm cơ bản của 04 mô hình liên kết chuỗi giá trị phổ biến; mô tả các bước cơ bản khi xây dựng danh mục các dự án liên kết chuỗi giá trị;

+ Trình bày được khái niệm, đặc trưng, tiêu chí đánh giá và phân hạng sản phẩm OCOP.

- Về kỹ năng nghề nghiệp

+ Phân biệt được sự khác biệt giữa mô hình hợp tác xã và các mô hình kinh tế khác; vận dụng hiệu quả các chính sách vào hoạt động của hợp tác xã;

+ Tổ chức gắn kết các cộng đồng của hợp tác xã thông qua các phương thức, giải pháp công cụ điều chỉnh phân phối lợi ích như lao động việc làm, giá cả dịch vụ, môi trường, giáo dục, đào tạo cộng đồng trong và ngoài hợp tác xã;

+ Quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của hợp tác xã một cách khoa học, đạt hiệu quả cao thông qua các kỹ năng quản trị marketing (thiết kế mẫu mã, xây dựng thương hiệu, ứng dụng công nghệ thông tin trong marketing...), quản trị sản xuất, dịch vụ (xây dựng quy trình, kế hoạch, lựa chọn sản phẩm, dịch vụ...), quản trị nhân lực (tuyển dụng cán bộ, thu hút nhân lực trẻ...), quản trị tài chính, quản trị rủi ro, xây dựng, tổ chức thực hiện phương án sản xuất kinh doanh;

+ Soạn thảo được hợp đồng với các điều khoản, nội dung và hình thức đúng theo quy định của pháp luật; đàm phán và ký kết hợp đồng, giải quyết các rủi ro khi thực hiện hợp đồng;

+ Đánh giá được chất lượng và phát triển các sản phẩm của hợp tác xã nông nghiệp;

+ Lựa chọn được mô hình hợp tác xã phù hợp, vận dụng khoa học công nghệ vào sản xuất; lựa chọn được mô hình liên kết chuỗi giá trị phù hợp loại sản phẩm và điều kiện của hợp tác xã để tham gia và phát triển bền vững.

- Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

+ Nhận thức đúng đắn bản chất của hợp tác xã, sứ mệnh, trọng trách của mình với hợp tác xã, thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc của hợp tác xã trong tổ chức hoạt động của hợp tác xã, trong quản lý điều hành hợp tác xã;

+ Có năng lực làm việc độc lập hoặc theo nhóm để giải quyết công việc, tính tự chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể;

+ Có ý thức tự nâng cao năng lực quản lý, lãnh đạo thông qua việc tự học, tự đổi mới tư duy để phát triển hợp tác xã nông nghiệp của mình bền vững và hội nhập.

3. Vị trí việc làm

- Ban giám đốc hợp tác xã nông nghiệp, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp;
- Thành viên Hội đồng quản trị hợp tác xã nông nghiệp, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp;
- Cán bộ quản lý trong bộ máy của hợp tác xã nông nghiệp, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC

- Tổng số giờ: 310 giờ (12 tín chỉ); trong đó:

+ Giờ học lý thuyết: 63 giờ;

+ Giờ học thực hành, kiểm tra, thi kết thúc môn học, mô đun: 247 giờ.

III. DANH MỤC CÁC MÔ ĐUN ĐÀO TẠO, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN HỌC TẬP

| Mã MĐ | Tên mô đun | Số tín chỉ | Thời gian đào tạo (giờ) | | | |
|------------------|--|------------------|-------------------------|--------------|--------------|-----------------|
| | | | Tổng số | Trong đó | | |
| | | | | Lý thuyết | Thực hành | Kiểm tra (*) |
| I | Mô đun, môn học cơ sở | 3 | 77 | 15 | 60 | 2 |
| MĐ 01 | Những nội dung cơ bản về hợp tác xã | 3 | 77 | 15 | 60 | 2 |
| 1 | Bài 1. Tổng quan về hợp tác xã, Luật Hợp tác xã và các chính sách phát triển hợp tác xã ở Việt Nam | | 40 | 10 | 30 | - |
| 2 | Bài 2. Thiết lập mối quan hệ cộng đồng của hợp tác xã nông nghiệp | | 35 | 5 | 30 | - |
| 3 | Kiểm tra bài 1, 2 | | 1 | - | - | 1 |
| 4 | Kiểm tra kết thúc mô đun | | 1 | - | - | 1 |
| II | Các mô đun, môn học chuyên môn nghề | 9 | 233 | 48 | 180 | 5 |
| MĐ 02 | Quản trị hợp tác xã nông nghiệp | 6 | 153 | 30 | 120 | 3 |
| 1 | Bài 1. Quản trị Marketing trong hợp tác xã nông nghiệp | | 30 | 6 | 24 | - |
| 2 | Bài 2. Quản trị dịch vụ trong hợp tác xã nông nghiệp | | 30 | 6 | 24 | - |
| 3 | Bài 3. Quản trị sản xuất nông nghiệp trong hợp tác xã | | 20 | 4 | 16 | - |

| Mã MĐ | Tên mô đun | Số tín chỉ | Thời gian đào tạo (giờ) | | | |
|------------------|--|------------------|-------------------------|--------------|--------------|-----------------|
| | | | Tổng số | Trong đó | | |
| | | | | Lý thuyết | Thực hành | Kiểm tra (*) |
| 4 | Kiểm tra bài 1, 2, 3 | | 1 | - | - | 1 |
| 5 | Bài 4. Quản trị nhân lực trong hợp tác xã nông nghiệp | | 20 | 4 | 16 | - |
| 6 | Bài 5. Quản trị tài chính trong hợp tác xã nông nghiệp | | 30 | 6 | 24 | - |
| 7 | Bài 6. Xây dựng phương án sản xuất kinh doanh trong hợp tác xã nông nghiệp | | 20 | 4 | 16 | - |
| 8 | Kiểm tra bài 4, 5, 6 | | 1 | - | - | 1 |
| 9 | Kiểm tra kết thúc mô đun | | 1 | - | - | 1 |
| MĐ 03 | Phát triển một số kỹ năng quản lý hợp tác xã nông nghiệp | 3 | 80 | 18 | 60 | 2 |
| 10 | Bài 1. Kỹ năng đàm phán và ký kết hợp đồng của Giám đốc hợp tác xã nông nghiệp | | 24 | 8 | 16 | - |
| 11 | Bài 2. Giới thiệu mô hình hợp tác xã nông nghiệp và công nghệ cao | | 28 | 4 | 24 | - |
| 12 | Bài 3. Phát triển liên kết chuỗi giá trị, sản phẩm OCOP trong hợp tác xã nông nghiệp | | 26 | 6 | 20 | - |
| 13 | Kiểm tra bài 1, 2, 3 | | 1 | - | - | 1 |
| 14 | Kiểm tra kết thúc mô đun | | 1 | - | - | 1 |
| Tổng cộng | | 12 | 310 | 63 | 240 | 07 |

* **Ghi chú:** Tổng thời gian kiểm tra 07 giờ bao gồm: Số giờ kiểm tra định kỳ trong từng mô đun 04 giờ được tính vào giờ thực hành; số giờ kiểm tra kết thúc mô đun 03 giờ.

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO

(Nội dung chi tiết tại các chương trình môn học, mô đun kèm theo).

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Hướng dẫn thực hiện các mô đun đào tạo nghề

Chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp nghề “Giám đốc Hợp tác xã nông nghiệp” được dùng dạy nghề cho người lao động có nhu cầu học nghề. Khi học viên học đủ các môn học và mô đun trong chương trình và có điểm tổng kết khóa học đạt kết quả trung bình 5.0 trở lên sẽ được cấp chứng chỉ sơ cấp.

Theo yêu cầu của người học, người sử dụng lao động, nhà trường có thể chọn giảng dạy độc lập từng môn học, mô đun hoặc nhóm các môn học, mô đun phù hợp. Sau khi kết thúc khóa học, cơ sở dạy nghề cấp cho người học: Giấy chứng nhận học nghề (đã hoàn thành các môn học, mô đun đã học).

Đánh giá kết quả học tập của người học trong toàn khóa học bao gồm kiểm tra định kỳ trong quá trình học tập, kiểm tra kế thúc mô đun thực hiện theo Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 10 năm 2015 và Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

2. Hướng dẫn kiểm tra, kiểm tra kết thúc môn học, mô đun

2.1. Kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ

- Việc kiểm tra định kỳ môn học, mô đun được thực hiện hiện theo Điều 24 - Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Mỗi môn học/ mô đun được thực hiện 01 bài kiểm tra thường xuyên; thời gian làm bài kiểm tra là 15-30 phút; hình thức kiểm tra: tự luận hoặc trắc nghiệm.

- Mỗi môn học/ mô đun được thực hiện 01-02 bài kiểm tra định kỳ; thời gian làm bài kiểm tra lý thuyết là 45 phút, hình thức kiểm tra: tự luận hoặc trắc nghiệm; thời gian làm bài kiểm tra thực hành là 60 phút.

2.2. Kiểm tra kết thúc môn học, mô đun

- Điều kiện được dự kiểm tra kết thúc môn học, mô đun được thực hiện theo Quy chế đào tạo hiện hành của nhà trường.

- Kiểm tra kết thúc môn học/mô đun thực hiện theo Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 về quy định về đào tạo trình độ sơ cấp; Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 42/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Người học được công nhận tốt nghiệp tốt nghiệp khi có điểm tổng kết khóa học từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

- Hình thức và thời gian kiểm tra kết thúc mô đun: Làm bài kiểm tra kỹ năng tổng hợp hoặc làm bài tự luận; Thời gian làm bài kiểm tra là 60 phút.

3. Hướng dẫn xét, công nhận tốt nghiệp

- Việc xét, công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Điều 27 - Thông tư số Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 10 năm 2015 và Khoản 9, Điều 1 - Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Điều kiện được công nhận tốt nghiệp và cấp chứng chỉ trình độ sơ cấp (bậc 1) được thực hiện theo Quy chế đào tạo hiện hành của nhà trường.

4. Các chú ý khác

- Để giảng dạy có hiệu quả, các giáo viên cần được tập huấn về phương pháp giảng dạy theo mô đun, giáo viên cần có kỹ năng thực hành nghề nghiệp tốt; kết hợp

các phương pháp thuyết trình, thảo luận nhóm, làm mẫu và hoạt động thực hành trên hiện trường dạy học.

- Khi giảng dạy, giáo viên cần giúp cho học viên thực hiện các thao tác, tư thế của từng kỹ năng chính xác, nhận thức đầy đủ vai trò, vị trí của từng bài.

- Để giúp cho học viên nắm vững những kiến thức cơ bản sau mỗi bài học, giáo viên phải giao bài tập cụ thể đến từng học viên (các bài tập chỉ cần ở mức độ trung bình, phù hợp với phân lý thuyết đã học).

- Chương trình xây dựng cho khóa học trong thời gian 3 tháng, trong thực tế có thể tổ chức cho học viên học thành từng giai đoạn phù hợp với điều kiện thực tế nhằm rèn luyện kiến thức, kỹ năng nghề cho học viên.

- Để học viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, cần phổ biến nội quy, quy chế đào tạo và giới thiệu nghề nghiệp cho học viên khi mới nhập học.

- Chương trình đào tạo này được sử dụng giảng dạy từ năm học 2024-2025.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện, nội dung chương trình đào tạo nếu cần thiết phải điều chỉnh, cập nhật, bổ sung hoặc sửa đổi cho phù hợp với thực tế phải được phê duyệt của Hiệu trưởng trước khi đưa vào sử dụng.

HIỆU TRƯỞNG